

Số: 1912/QĐ - TLĐ

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý vốn của
công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế**

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Công đoàn năm 2012; Luật doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
 - Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
 - Căn cứ Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn;
 - Căn cứ Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
 - Căn cứ Nghị định 52/2009/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi số 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;
 - Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành Quy định về quản lý tài chính, tài sản công đoàn; thu, phân phối nguồn thu và thưởng, phạt thu nộp tài chính công đoàn;
- Theo đề nghị của Ban Tài chính Tổng Liên đoàn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý vốn của công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Thay thế Quyết định số 1513/QĐ-TLĐ ngày 16/12/2014 của Tổng Liên đoàn.

Điều 3. Các ban, đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn, các cấp công đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *au*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Tổ chức TW;
- UBKT TW; Ban Dân vận TW;
- Văn phòng TW; Bộ Tài chính;
- Các đ/c Ủy viên ĐCT TLĐ;
- Lưu: Văn thư, Ban Tài chính TLĐ.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Cường

QUY CHẾ

Quản lý vốn của công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1912/QĐ- TLD ngày 19 tháng 12 năm 2016
của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định quản lý nguồn tài chính của các cấp công đoàn, các đơn vị trực thuộc đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

2. Đối tượng áp dụng:

- Các cấp công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế (công ty TNHH MTV không thuộc đối tượng thực hiện quy chế này).

- Người đại diện phần vốn của tổ chức Công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

Điều 2. Mục đích sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

Nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính, tài sản công đoàn, tăng nguồn thu tài chính công đoàn, hỗ trợ thu nhập của cán bộ công đoàn, góp phần phát triển kinh tế xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc về sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

1. Bảo toàn và phát triển nguồn tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế, tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn.

2. Theo dõi, phản ánh nguồn tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế theo quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn.

3. Phân công, phân cấp gắn quyền với trách nhiệm của từng cấp, của tập thể, cá nhân trong việc sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

Điều 4. Chủ sở hữu, đại diện Chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu.

Tổng Liên đoàn là chủ sở hữu tài chính, tài sản công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

2. Đại diện Chủ sở hữu.

Tổng Liên đoàn ủy quyền cho các cấp Công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam là đại diện Chủ sở hữu vốn của đơn vị đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo phân cấp; đồng thời chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về quyền hạn, nhiệm vụ được giao về quyết định sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

CHƯƠNG II

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU, ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

Điều 5. Quyền của Chủ sở hữu

1. Ban hành quy chế quản lý sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

2. Thẩm định, quyết định sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế theo đề nghị của đại diện Chủ sở hữu.

3. Quyết định việc sử dụng tài chính của các cấp công đoàn và các đơn vị trực thuộc về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho thuê doanh nghiệp, liên doanh, liên kết.

4. Cử đại diện quản lý vốn của Chủ sở hữu đầu tư tài chính, đầu tư vào doanh nghiệp khác.

5. Kiểm tra, giám sát các cấp công đoàn, các đơn vị trực thuộc sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế. Xử lý vi phạm hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tập thể, cá nhân vi phạm quy chế sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế, tham ô, lãng phí, làm thất thoát tài sản, tiền vốn của công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn.

Điều 6. Quyền của đại diện Chủ sở hữu

1. Thẩm định, đề nghị Chủ sở hữu quyết định sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế của cấp mình và cấp dưới. Quyết định việc sử dụng tài chính công đoàn của cấp mình và cấp dưới đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế theo phân cấp của Chủ sở hữu.

2. Cử đại diện quản lý vốn của đơn vị đầu tư tài chính, đầu tư vào doanh nghiệp khác.

3. Kiểm tra, thanh tra, giám sát các cấp công đoàn và các đơn vị trực thuộc sử dụng tài chính đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế. Xử lý vi phạm hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tập thể, cá nhân vi phạm quy chế sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế, tham ô, lãng phí, làm thất thoát tài sản, tiền vốn của công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

4. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn.

Điều 7. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu và đại diện Chủ sở hữu

1. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu

- Bảo toàn và phát triển vốn của công đoàn đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

- Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các cấp công đoàn và các đơn vị trực thuộc sử dụng tài chính đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế theo đúng quy chế đã ban hành, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Tạo điều kiện thuận lợi và cơ sở pháp lý cho tất cả các hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động kinh tế công đoàn.

- Thực hiện việc kiểm tra, thanh tra các cấp công đoàn và các đơn vị trực thuộc sử dụng tài chính đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế.

- Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động theo Quy chế ban hành kèm Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính.

2. Nghĩa vụ của đại diện Chủ sở hữu

2.1. Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại Mục 1 của điều này đối với các khoản đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế công đoàn của cấp mình và cấp dưới.

2.2. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về các khoản đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế công đoàn của cấp mình và cấp dưới.

CHƯƠNG III QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG ĐOÀN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Điều 8. Quản lý nguồn tài chính công đoàn đầu tư tài chính

1. Các cấp công đoàn và các đơn vị trực thuộc được mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng để quản lý nguồn tài chính công đoàn, phải đảm bảo nguyên tắc:

- Tiền gửi có kỳ hạn phải gửi tại ngân hàng có lãi suất cao nhất; Tiền gửi không kỳ hạn chỉ gửi với số lượng ít và chỉ để dùng chi thường xuyên.

- Chỉ thực hiện gửi tiền ở các ngân hàng có uy tín, đảm bảo an toàn.

Việc gửi tiền phải đảm bảo phần lớn nguồn tiền kết dư tài chính công đoàn gửi ở tài khoản có kỳ hạn với lãi suất cao nhất, số ít gửi ở tài khoản không kỳ hạn chỉ dùng cho việc sử dụng trước mắt; việc gửi ở tài khoản nào do lãnh đạo đơn vị quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình với nguyên tắc trên.

2. Về sử dụng tài chính công đoàn mua cổ phần.

2.1. Công đoàn cơ sở doanh nghiệp được sử dụng tài chính công đoàn để mua cổ phần ưu đãi của doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa theo quy định của Chính phủ. Khi Công đoàn cơ sở mua cổ phần, phải lập tờ trình, kèm theo phương án cổ phần hóa của doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền duyệt, trình công đoàn cấp trên trực tiếp đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

2.2. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở; Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành Trung ương và tương đương được sử dụng tài chính công đoàn của đơn vị để trực tiếp mua cổ phần hoặc thông qua công đoàn cơ sở và cấp dưới trực thuộc mua cổ phần ưu đãi của doanh nghiệp nhà nước, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước, doanh nghiệp công đoàn cổ phần hóa. Đơn vị mua cổ phần phải lập tờ trình, kèm theo văn bản của Ban cổ phần hóa doanh nghiệp chấp thuận cho tổ chức Công đoàn được mua cổ phần, trình công đoàn cấp trên có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

2.3. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài chính công đoàn mua cổ phần.

- Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành Trung ương và tương đương phê duyệt mua cổ phần ưu đãi đến 2 tỷ đồng.

- Tổng Liên đoàn phê duyệt mua cổ phần ưu đãi mức trên 2 tỷ đồng và mua cổ phần không ưu đãi.

3. Sử dụng tài chính công đoàn góp vốn thành lập doanh nghiệp, liên doanh, liên kết.

3.1. Đối tượng thực hiện

Các cấp công đoàn theo Điều lệ Công đoàn và các đơn vị trực thuộc.

3.2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài chính công đoàn góp vốn.

Đơn vị sử dụng tài chính công đoàn góp vốn thành lập doanh nghiệp, liên doanh, liên kết phải lập đề án trình Tổng Liên đoàn phê duyệt để thực hiện.

4. Cấp quyết định việc mua cổ phần, sử dụng tài chính công đoàn góp vốn thành lập doanh nghiệp được quyết định việc chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng vốn góp thành lập doanh nghiệp của các cấp công đoàn (trừ trường hợp đấu giá trên sàn chứng khoán).

5. Cho thuê tài sản của các cơ quan công đoàn

Tài sản của các cơ quan công đoàn (từ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên) được cho thuê là tài sản chờ chuyển giao, chờ thực hiện dự án xây dựng cơ bản, chờ sắp xếp lại.... Việc cho thuê tài sản các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành Trung ương và tương đương phải báo cáo xin ý kiến Tổng Liên đoàn phê duyệt chủ trương trước khi thực hiện.

Điều 9. Sử dụng tài chính công đoàn cho vay

1. Nguyên tắc cho vay.

- Việc sử dụng tài chính công đoàn cho vay phải tuân thủ chặt chẽ quy trình, nguyên tắc, đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đảm bảo việc thu hồi tiền cho vay.

- Tập thể, cá nhân có nguồn tài chính công đoàn cho vay nếu để đơn vị vay sử dụng tiền vay không đúng mục đích, làm thất thoát phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và phải bồi hoàn số tiền thất thoát.

- Đơn vị vay tiền phải có đề án kèm theo tờ trình gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định số tiền cho vay, lãi suất cho vay, sử dụng vốn vay và khả năng thu hồi vốn, thời hạn thu hồi tiền vay.

2. Đối tượng, phạm vi cho vay

2.1. Đối tượng vay

Đơn vị sự nghiệp của tổ chức công đoàn, Công ty TNHH MTV công đoàn, doanh nghiệp cổ phần công đoàn giữ cổ phần chi phối, cơ quan công đoàn (từ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên).

2.2. Phạm vi cho vay

Cho vay bổ sung vốn lưu động, cho vay thực hiện dự án đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cố định, cho vay để bảo lãnh, làm vốn đối ứng vay ngân hàng, tổ chức tài chính.

2.3. Thẩm quyền cho vay

- Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành Trung ương và tương đương cho vay đến 2 tỷ đồng/đơn vị.

- Tổng Liên đoàn xem xét, quyết định cho vay mức trên 2 tỷ đồng/đơn vị.

2.4. Quy trình vay

- Đơn vị vay tiền phải lập đề án, dự án và tờ trình gửi cấp trên trực tiếp quản lý.

- Cấp trên trực tiếp quản lý thẩm định tính khả thi và hiệu quả của đề án/dự án đảm bảo nguyên tắc cho vay, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định theo mục 2.3 của Điều này (số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay, tiến độ thu hồi tiền vay...).

- Lập Hợp đồng vay, cam kết cho vay giữa đơn vị vay và cấp trên trực tiếp cho vay.

Sau khi đã được vay vốn, đơn vị cho vay phải thường xuyên kiểm tra việc sử dụng vốn vay thực tế của đơn vị vay, hiện trạng tài sản bảo đảm, tình hình tài chính, để đảm bảo khả năng thu hồi tiền vay.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) vốn của công đoàn đầu tư vào doanh nghiệp

1. Thực hiện quyền của nhà đầu tư, cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác.

2. Cử người đại diện phần vốn của công đoàn hay người đại diện theo uỷ quyền để thực hiện quyền của nhà đầu tư, cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

3. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và các quyền lợi khác đối với người đại diện phần vốn của công đoàn hoặc người đại diện theo uỷ quyền tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là người đại diện) theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu người đại diện báo cáo tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác và các vấn đề khác có liên quan của doanh nghiệp nơi Chủ sở hữu hoặc đại diện Chủ sở hữu đầu tư vốn.

5. Quyết định việc tăng vốn đầu tư, thu hồi vốn đầu tư theo thẩm quyền; giám sát việc thu hồi lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn công đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác.

6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn công đoàn.

7. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn công đoàn đầu tư vào doanh nghiệp.

8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của tổ chức công đoàn.

1. Quyền của Người đại diện

1.1. Thực hiện các quyền theo uỷ quyền Chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu)

1.2. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp khi được Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) giới thiệu.

1.3. Được hưởng thù lao, tiền lương, tiền thưởng theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế của doanh nghiệp

1.4. Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật thông tin, kiến thức do doanh nghiệp tổ chức (nếu có).

1.5. Được doanh nghiệp cung cấp thông tin, diễn biến kinh tế và thị trường, tư vấn về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Người đại diện (nếu có).

1.6. Được doanh nghiệp hỗ trợ, tạo điều kiện tham gia trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội kinh doanh với doanh nghiệp và Người đại diện khác.

2. Nghĩa vụ của Người đại diện

2.1. Báo cáo Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) tình hình tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; xin ý kiến Chủ sở hữu, đại diện Chủ sở hữu về những vấn đề biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông hoặc các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, các cuộc họp

khác (nếu có) đối với các nội dung sau, trừ trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có quy định khác:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; việc tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ: thời điểm và phương thức huy động vốn;

- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát; đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm;

- Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

- Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm của doanh nghiệp;

- Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

- Các hợp đồng, giao dịch phát sinh giữa doanh nghiệp và Người đại diện.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế của doanh nghiệp về tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên; phân cấp giữa Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc; quản lý tài chính và đầu tư.

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên doanh nghiệp.

2.2. Theo dõi, đôn đốc, thực hiện thu hồi vốn, thu cổ tức hoặc các khoản được chia khác từ vốn góp theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp khác.

2.3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, quy định khác của Điều lệ doanh nghiệp và Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) giao.

Điều 12. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Người đại diện

1. Người đại diện là cán bộ chuyên trách tại doanh nghiệp: Được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy

định tại Điều lệ doanh nghiệp và do doanh nghiệp đó trả theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, người đại diện được hưởng các quyền lợi khác do Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) chi trả theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Người đại diện là cán bộ của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu)

a) Trường hợp biệt phái làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp: Được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng, các quyền lợi khác, các chế độ bảo hiểm và phúc lợi theo quy định về việc cử biệt phái cán bộ đến làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp có vốn đầu tư của công đoàn. Ngoài ra, người đại diện được các quyền lợi khác do Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) chi trả theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Trường hợp làm việc kiêm nhiệm: Được hưởng tiền lương, tiền thưởng, thù lao, phụ cấp trách nhiệm (nếu có) và các quyền lợi khác do Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) chi trả. Trường hợp Người đại diện được các doanh nghiệp trả thù lao, tiền thưởng thì Người đại diện có trách nhiệm nộp cho Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) hoặc thông báo cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chuyển trực tiếp cho Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) để hình thành quỹ chung.

Điều 13. Chấm dứt ủy quyền Người đại diện

Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) chấm dứt ủy quyền Người đại diện trong các trường hợp sau:

1. Không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Người đại diện theo quy định của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu);

2. Không tuân thủ và thực hiện đúng các chỉ đạo của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu);

3. Không thực hiện các nghĩa vụ Người đại diện, gây ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) tại doanh nghiệp;

4. Không hoàn thành nhiệm vụ Người đại diện trong hai năm liên tiếp mà không có lý do chính đáng;

5. Vi phạm Điều lệ doanh nghiệp, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền gây thiệt hại cho doanh nghiệp và quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu);

6. Mất tín nhiệm với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị và/hoặc đa số cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp (trường hợp Người đại diện là người quản lý, điều hành doanh nghiệp);

7. Không trung thực, lợi dụng vai trò Người đại diện để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình của doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến lợi ích của doanh nghiệp;

Điều 14. Khen thưởng, xử lý vi phạm Người đại diện

1. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng Người đại diện theo quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn, theo các tiêu chí sau:

- a) Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và quyền, lợi ích của Tổng công ty tại doanh nghiệp;
- b) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của Người đại diện;
- c) Tính tuân thủ của Người đại diện đối với các chỉ đạo của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu);
- d) Mức độ, chất lượng các đề xuất, kiến nghị của Người đại diện cho Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu);
- đ. Việc chấp hành pháp luật và thực hiện Điều lệ doanh nghiệp của Người đại diện;
- e) Việc phối hợp với Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của doanh nghiệp để thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên doanh nghiệp;

2. Xử lý vi phạm

Trường hợp Người đại diện không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện (không phụ thuộc vào việc có thiệt hại phát sinh hay không), đặc biệt đối với những trường hợp Người đại diện không xin ý kiến hoặc xin ý kiến nhưng biểu quyết, quyết định hoặc tham gia ý kiến không theo đúng chỉ đạo của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) đối với những nội dung phải xin ý kiến. Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) áp dụng các hình thức xử lý sau:

a) Thay thế hoặc áp dụng các hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật lao động và quy định của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) đối với Người đại diện là cán bộ Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu).

b) Ngoài những hình thức xử lý nêu trên, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Người đại diện có thể phải chịu các hình thức kỷ luật và trách nhiệm pháp lý khác do Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty.

Điều 15. Trách nhiệm bồi thường vật chất của Người đại diện

1. Người đại diện có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nghĩa vụ Người đại diện, gây thiệt hại vật chất liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) tại doanh nghiệp thì phải có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật.

2. Khi phát hiện Người đại diện gây thiệt hại vật chất đến quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) tại doanh nghiệp, Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật. Trường hợp Người đại diện cố ý không thực hiện nghĩa vụ bồi thường, hoàn trả thì sẽ bị khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi thôi hoặc chấm dứt ủy quyền Người đại diện, Người đại diện vẫn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại vật chất phát sinh do Người đại diện gây ra trong thời gian làm Người đại diện.

Điều 16. Phân phối kết quả đầu tư tài chính, hoạt động kinh tế

1. Đối với công đoàn cơ sở.

Lợi nhuận sử dụng tài chính công đoàn đầu tư tài chính, đầu tư hoạt động kinh tế sau khi trừ chi phí (nếu có) ghi thu tài chính công đoàn cơ sở.

2. Đối với công đoàn các cấp trên cơ sở và các đơn vị trực thuộc.

2.1. Đối công đoàn các cấp trên cơ sở

Lãi tiền gửi, lãi cho vay nguồn tài chính công đoàn ghi thu tài chính công đoàn.

Tiền cho thuê tài sản, lợi nhuận được chia từ góp vốn liên doanh trích 40% vào Quỹ cơ quan, 60% ghi thu tài chính công đoàn.

Lợi nhuận mua cổ phần được trích 20% vào quỹ cơ quan, 80% ghi thu tài chính công đoàn.

Lợi nhuận từ các hoạt động kinh tế khác (Cho thuê doanh nghiệp, lợi nhuận từ các đơn vị trực thuộc nộp lên,...) nộp cấp trên trực tiếp 50%, để lại đơn vị 50%. Trong số lợi nhuận để lại đơn vị, trích quỹ Cơ quan 40%, ghi thu tài chính công đoàn 60%.

2.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

Lợi nhuận sau thuế từ đầu tư tài chính và hoạt động kinh tế nộp Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) tối đa 30%, phần còn lại trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản Chủ sở hữu, đại diện Chủ sở hữu giao đơn vị sự nghiệp trực thuộc (ngoài vốn điều lệ) để quản lý, khai thác, lợi nhuận thu được từ hoạt động của tài sản này nộp Chủ sở hữu (đại diện Chủ sở hữu) tối thiểu 50%.

4. Các khoản trích tại Khoản 2 Điều này được bổ sung vào quỹ cơ quan. Việc quản lý và sử dụng quỹ cơ quan theo quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Ban Tài chính, Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cấp công đoàn, các đơn vị trực thuộc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Tổng Liên đoàn để nghiên cứu giải quyết. *am*

